

SỞ Y TẾ TP. CẦN THƠ
BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG

Số: 707/TM-BVND-NT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 07 tháng 5 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

V/v mời báo giá xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: “ Mua mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, sản phẩm sữa dinh dưỡng và nước suối tại Nhà Thuốc Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ năm 2025 ”

Kính gửi: Quý Công ty/ Nhà cung ứng/Đơn vị có quan tâm

Nhà Thuốc Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá kế hoạch cho gói thầu: “ Mua mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, sản phẩm sữa dinh dưỡng và nước suối tại Nhà Thuốc Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ năm 2025 ”, với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Nhà Thuốc Bệnh viện Nhi đồng TP. Cần Thơ.

Địa chỉ: Số 345, Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Đơn vị : Nhà Thuốc Bệnh viện Nhi đồng TP. Cần Thơ.
- Họ và tên người nhận : Mai Thị Hồng Diễm
- Chức vụ: Nhân viên Nhà thuốc
- Số ĐT: 0292.3748.364

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Bảng giấy và file điện tử (Excel và PDF).

- Nơi tiếp nhận bằng giấy: Nhà thuốc Bệnh viện Nhi đồng TP. Cần Thơ, số 345 Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. Kính đề nghị các Công ty/ Nhà cung ứng/ Đơn vị có quan tâm và có khả năng cung cấp, gửi bằng giấy báo giá có đóng dấu và gửi kèm theo hồ sơ sản phẩm và các tài liệu liên quan của hàng hóa (nếu có) về nơi tiếp nhận báo giá có thông tin ít nhất như **phụ lục 02**, ngoài phong bì ghi: Bảng báo giá cung ứng mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, sản phẩm sữa dinh dưỡng và nước suối theo thông tin người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá.

- Đồng thời nhận file điện tử (file Excel và PDF) qua email: nhathuoc707@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8h00 ngày 07 tháng 5 năm 2025 đến trước 17h00 ngày 19 tháng 5 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.



5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 19 tháng 5 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thuốc mời báo giá: Theo phụ lục 1: Danh mục mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, sản phẩm sữa dinh dưỡng và nước suối mời báo giá (đính kèm).

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Nhà thuốc Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ: Số 345, Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 72 giờ kể từ khi nhận được đơn đặt hàng hợp lệ.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tỷ lệ tạm ứng: Không áp dụng.

- Điều kiện thanh toán:

+ Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam

+ Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

+ Thời hạn thanh toán: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hóa đơn chứng từ thanh toán hợp lệ.

5. Các thông tin khác (nếu có): Quyết định trúng thầu hoặc thông báo trúng thầu còn hiệu lực của mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, sản phẩm dinh dưỡng và nước suối tham gia báo giá (phải công chứng hoặc chứng thực của đơn vị báo giá).

Nhà thuốc Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ kính mời Quý Công ty/ Nhà cung ứng/ Đơn vị có quan tâm báo giá trong thời gian và địa điểm nêu trên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT, KD-NT.

GIÁM ĐỐC



BS. CKII. Ông Huy Thanh

Phụ lục 1

DANH MỤC MỸ PHẨM - THỰC PHẨM CHỨC NĂNG - SỮA DINH DƯỠNG - NƯỚC SUỐI MUA SẴM ĐỂ BÁN LẺ TẠI NHÀ THUỐC NĂM 2025

(Đính kèm Thư mời báo giá số: 707/TM-BVND-NT ngày 07 tháng 5 năm 2025)

I. DANH MỤC MỸ PHẨM

STT	Mã tham chiếu	Thành phần-tính năng kỹ thuật	Tên thương mại	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	MP01	Ceramide 3,32%; Cholesterol 1,11%; Acid béo tự do 1,11%; Tiêu chuẩn: ISO 22716:2017, FSC ...	Ceradan Skin Barrier Repair Cream 10g	Bôi ngoài da	Kem bôi da	Hộp 1 tuýp 10g	199049/23/ CBMP-QLD (12/04/2023 - 12/04/2028)	Toshiki International Singapore Pte Ltd	Singapore	Tuýp	400
2	MP02	Sodium Hyaluronate 0,05%; Ceramide 0,3%; Cholesterol 0,1%; Acid béo tự do 0,1%; Tiêu chuẩn: ISO 22716:2017, FSC ...	Ceradan Hydra Moisturiser 30g	Bôi ngoài da	Kem bôi da	Hộp 1 tuýp 30g	199048/23/ CBMP-QLD	Toshiki International Singapore Pte Ltd	Singapore	Tuýp	400
3	MP03	Zinc Oxide 16%; Ceramide 0,09%; Cholesterol 0,03%; Acid béo tự do 0,03%; Tiêu chuẩn: ISO 22716:2017, FSC ...	Ceradan Diaper Cream 10g	Bôi ngoài da	Kem bôi da	Hộp 1 tuýp 10g	141840/21/ CBMP-QLD (21/01/2021 - 21/01/2026)	Toshiki International Singapore Pte Ltd	Singapore	Tuýp	400
4	MP04	Water 78,788%; Glycerin 4,5%; Pentylene Glycol 4%; Butylene Glycol 3,5%; Propanediol 3%; Laureth-9 (Polidocanol) 3%; Menthol 1%; Tiêu chuẩn: ISO 22716:2017, FSC ...	Ceradan Soothing Gel 10g	Bôi ngoài da	Kem bôi da	Hộp 1 tuýp 10g	156283/21/ CBMP-QLD (20/08/2021 - 20/08/2026)	Toshiki International Singapore Pte Ltd	Singapore	Tuýp	100
5	MP05	Sodium Trideceth Sulphate 8,624%; Sodium Lauroamphoacetate 2,618%; Ceramide 0,03%; Cholesterol 0,01%; Acid béo tự do 0,01%; Tiêu chuẩn: ISO 22716:2017, FSC ...	Ceradan Moisturising Wash 150ml	Tắm	Sữa tắm	Hộp 1 tuýp 150ml	199050/23/ CBMP-QLD	Toshiki International Singapore Pte Ltd	Singapore	Tuýp	200
6	MP06	Water + Sodium Lauryl Sulphate + Cetearyl Alcohol + Tocopherol + Bisabolol + Glycyrrhiza Glabra Rhizome/Root Extract + Aloe Barbadensis Leaf Extract + Propylene Glycol + Potassium Sorbate 0,005%.	Adaphil 125ml	Dùng ngoài da	Dạng Gel	Chai 125ml	001454/23 /CBMP-HCM	Chi nhánh Công ty TNHH MTV Sản Xuất Dược - Mỹ Phẩm Gamma	Việt Nam	Chai	1.000

7	MP07	Water + Sodium Lauryl Sulphate + Cetearyl Alcohol + Tocopherol + Bisabolol + Glycyrrhiza Glabra Rhizome/Root Extract + Aloe Barbadensis Leaf Extract + Propylene Glycol + Potassium Sorbate 0,005%	Adaphil 500ml	Dùng ngoài da	Dạng Gel	Chai 500ml	001454/23 /CBMP-HCM	Chi nhánh Công ty TNHH MTV Sản Xuất Dược - Mỹ Phẩm Gamma	Việt Nam	Chai	600
8	MP08	Water (Aqua) Caprylic/ Capric Triglyceride Oryza Sativa (Rice Bran) Oil Panthenol Centella Asiatica Extract Butylene Glycol Phenoxyethanol Ethylhexylglycerin Curcumin Melia Azadirachta (Neem) Seed Oil ...	Dr. Celine Baby Cream 50g (Kem hăm tã)	Bôi ngoài da	Kem	50g/Hộp 50 Hộp/Thùng	2328/23/ CBMP-LA	Công ty TNHH Sản xuất Dược Mỹ Phẩm LAVITA	Việt Nam	Hộp	200
9	MP09	Water (Aqua) Cocamidopropyl Betaine Decyl Glucoside Sodium Laureth Sulfate Olive Oil PEG-7 Esters Glycerin Sodium Benzoate Piper Betle (Leaf) Extract Centella Asiatica Extract Citric Acid ...	Dr. Celine Baby Gentle Wash&Shampoo 180ml (Gel tắm bé)	Bôi ngoài da	Gel	180ML/Hộp 50 Hộp/Thùng	2281/23/CBMP-LA	Công ty TNHH Sản xuất Dược Mỹ Phẩm LAVITA	Việt Nam	Hộp	1.000
10	MP10	Water (Aqua) Calophyllum Inophyllum Seed Oil Cetostearyl Alcohol Ceteth-20 Cetyl Alcohol Glyceryl Stearate Steareth-20 Glycerin Caprylic/ Capric Triglyceride Centella Asiatica Extract Butylene Glycol Phenoxyethanol Ethylhexylglycerin Propylene Glycol Allium Cepa (Onion) Bulb Extract Curcumin Glycosaminoglycans	Dr. Celine C-Section Scars&Stretch Marks 28g (Kem mờ sẹo)	Bôi ngoài da	Kem	28g/Hộp 50 Hộp/Thùng	2280/23/CBMP-LA	Công ty TNHH Sản xuất Dược Mỹ Phẩm LAVITA	Việt Nam	Hộp	100

11	MP11	TDS - 860 mg/l Chlorine (Cl ⁻ - 35 mg/l) Fluorine (F ⁻ - 1.2 mg/l) Nitrate (NO ₃ ⁻ - 0.2 mg/l) Bicarbonate (HCO ₃ ⁻ - 232 mg/l) Potassium (K ⁺ - 8 mg/l) Silic (Si ⁴⁺ - 70 mg/l) Magnesium (Mg ²⁺ - 14 mg/l) Strontium (Sr ²⁺ - 1.2 mg/l) Sulfate (SO ₄ ²⁻ - 400 mg/l) Calcium (Ca ²⁺ - 160 mg/l) Sodium (Na ⁺ - 45 mg/l) Acid Hyaluronic (Hyaluronic Acid)	Xịt khoáng chăm sóc da cho bé - ALBA SKINCARE BABY	Dùng ngoài da	Dung dịch	Chai 150ml	23/21/CBMP_TTH	nhà máy sản xuất nước khoáng Alba thuộc Công ty Cổ phần Thanh Tân Thừa Thiên Huế, Việt Nam	Việt Nam	Chai	500
12	MP12	TDS - 860 mg/l Chlorine (Cl ⁻ - 35 mg/l) Fluorine (F ⁻ - 1.2 mg/l) Nitrate (NO ₃ ⁻ - 0.2 mg/l) Bicarbonate (HCO ₃ ⁻ - 232 mg/l) Potassium (K ⁺ - 8 mg/l) Silic (Si ⁴⁺ - 70 mg/l) Magnesium (Mg ²⁺ - 14 mg/l) Strontium (Sr ²⁺ - 1.2 mg/l) Sulfate (SO ₄ ²⁻ - 400 mg/l) Calcium (Ca ²⁺ - 160 mg/l) Sodium (Na ⁺ - 45 mg/l) Acid Hyaluronic (Hyaluronic Acid)	Xịt khoáng chăm sóc da cho bé - ALBA SKINCARE BABY	Dùng ngoài da	Dung dịch	Chai 300ml	23/21/CBMP_TTH	nhà máy sản xuất nước khoáng Alba thuộc Công ty Cổ phần Thanh Tân Thừa Thiên Huế, Việt Nam	Việt Nam	Chai	500
13	MP13	Aqua, Lauryl Glucoside, Cocamidopropyl Betaine, Sodium Lauroyl Sarcosinate, Decyl Glucoside, Glycerin, Citric Acid 0,645000%, Sodium Benzoate 0,545000%, Parfum, Coco-Glucoside, Glyceryl Oleate+ Panthenol+ Calendula Officinalis Flower Extract+ Sodium Hydroxide 0,001000%+ Tocopherol+ Hydrogenated Palm Glycerides Citrate.	Corine De Farme Ultra-Rich Cleansing Gel 250ml	Dùng ngoài	Gel	Chai 250ml	256735/24/CBMP-QLD	Laboratoires Sarbec	Pháp	Chai	492
Tổng cộng 1 : 13 mặt hàng tương ứng 13 lô phần											

II. DANH MỤC THỰC PHẨM CHỨC NĂNG

STT	Mã tham chiếu	Thành phần-tính năng kỹ thuật	Tên thương mại	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	TPCN01	Cao dược liệu: 750mg, tương đương với: (Tỳ bà diệp: 2g Cát cánh: 2g Trần bì: 1g Bách bộ: 1g Tiền hồ: 0.8g Thiên môn: 0.8g Tang bạch bì: 0.8g Hoàng cầm: 0.8g Cam thảo): 0.6g Cao lá thường xuân: 200mg Natri benzoate: 0.04mg Menthol: 0.02mg Eucalyptol: 0.02mg	JUBEEN HO	Uống	Dung dịch	Hộp 30 gói x 10ml	9718/2018/ĐKSP	CTY CP TẬP ĐOÀN DƯỢC MỸ PHẨM VINPHARMA	Việt Nam	Gói	100.000
2	TPCN02	Lysin HCL: 1000mg Kẽm Gluconat: 7mg Vitamin B1: 1mg Vitamin B6: 1mg	JUBEEN LYSIN	Uống	Dung dịch	Hộp 20 ống x 10ml	9241/2018/ĐKSP	CTY CP TẬP ĐOÀN DƯỢC MỸ PHẨM VINPHARMA	Việt Nam	Ống	73.000
3	TPCN03	Bacillus Clausii: 10 ⁹ CFU Lactobacillus Sporogenes: 10 ⁹ CFU Lactobacillus Acidophilus: 0.4 x 10 ⁹ CFU Kẽm Gluconat: 30mg	JUNPRO	Uống	Dạng cốm	Hộp 30 gói x 3g	6229/2023/ĐKSP	CTY CP TẬP ĐOÀN DƯỢC MỸ PHẨM VINPHARMA	Việt Nam	Gói	120.000

4	TPCN04	1: L-Lysin.HCl : 380 mg/gói 2: Cao nấm men bia (Chứa Protein 30%): 200 mg/gói 3: Simethicone emusiol 30% : 150 mg/gói 4: α-Amylase : 120 UI/gói 5: Protease : 100 UI/gói 6: Maltase : 100 UI/gói 7: Lactase : 100 UI/gói 8: Taurin: 35 mg/gói 9: Kẽm gluconat : 14 mg/gói 10: Vitamin B1: 0,6 mg/gói 11: Vitamin B2 : 0,6 mg/gói 12: Vitamin B3 : 6 mg/gói 13: Vitamin B5 : 1 mg/gói 14: Vitamin A : 100 UI/gói 15: Vitamin E : 4 UI/gói 16: Chất tạo ngọt: Đường tinh luyện, Sucralose, Sorbitol; Chất bảo quản: Natri Benzoat, Kali Sorbate; Chất điều chỉnh độ acid: Acid citric; Chất chống oxy hóa: Natri metabisulfit; Chất làm dày: Xanthan Gum; Guar gum; Hương chuối, nâu Socola; Nước vừa đủ 15ml.	Dr4kid Pedia	Uống	Dung dịch	Hộp 10 gói	6000/2020/ĐKSP	Công ty Cổ phần Dược phẩm QD-Meliphar	Việt Nam	Hộp	4.000
5	TPCN05	1: Iron (III) hydroxide Polymaltose complex: 5,358g 2: Phụ liệu: Hương thơm, đường, nước vừa đủ 30ml	Izyziron	Uống	Dạng lỏng	Hộp 01 lọ 30ml	10776/2021/DKSP	Công ty TNHH Dược phẩm Nasaki	Việt Nam	Chai	1.000
6	TPCN06	1: Canxi glucoheptonate nhập khẩu từ Pháp : 600mg 2: Nicotinamide (Vitamin B3): 24mg 3: Vitamin D3: 120IU 4: Vitamin K2 (MK7): 1mcg 5: Phụ liệu: Acid Citric Anhydrous, Sodium Citrate - Natri Citrate, Ethylene Diamine Tetraacetic Acid (EDTA), nipazol, nipazil, propylene glycol (PG), đường kính trắng, Aspartam, Saccharin sodium, Cremophor RH 40, gum xanthan, nước RO vừa đủ 10ml	Kia-Ca	Uống	Dung dịch	Hộp 20 ống x 10ml	3272/2021/ĐKSP	Công Ty Cổ phần Sản Xuất Dược phẩm Takarai	Việt Nam	Hộp	250
7	TPCN07	Thành phần chính trong 10ml: Vitamin C: 75mg, Sữa ong chúa: 30mg, Calcium: 19mg, Vitamin PP: 15,3mg, Vitamin E: 11mg, Magnesium: 9mg, Vitamin B5: 3,68mg, Vitamin B6: 1,8mg, Vitamin B2: 1,4mg, Vitamin B1: 1,18mg, Vitamin B8: 100mcg, Vitamin B9: 95mcg, Sắt: 88mcg, Vitamin A: 50mcg, Vitamin B12: 1,4mcg	SPECIAL KID MULTIVITAMINES	Uống	Siro	Hộp/1 chai 125ml	7966/2018/ĐKSP	Eric Favre Wellness	CH Pháp	Chai	600

8	TPCN08	Thành phần chính cho 2 viên nang mềm: Dầu Tảo (<i>Schyzochytrium sp.</i>) : 500mg DHA (<i>Docosahexaenoic acid</i>) : 200mg Vitamin E (<i>D-α-Tocopherol</i>) : 1,34mg Vitamin A (<i>Retinol</i>) : 180mcg Vitamin K2 (<i>Menaquinone</i>) : 4mcg Vitamine D3 (<i>Cholecalciferol</i>) : 1,5mcg	SPECIAL KID OMEGA 30 CAPSULES	Uống	Viên nang mềm	Hộp/Lọ 30 viên nang mềm	1254/2022/ĐKSP	Eric Favre Wellness	CH Pháp	Lọ	600
9	TPCN09	Trong 1ml: (Lactobacillus gasseri, Lactobacillus johnsonii, Lactobacillus plantarum, Lactobacillus reuteri, Lactobacillus salivarius, Bifidobacterium breve, Bifidobacterium animalis, Bifidobacterium lactis, Bifidobacterium longum, Bifidobacterium bifidum) 60mg. Trong 5 giọt (0,25ml) có chứa: Lactobacillus gasseri 0,1 x 10 ⁹ CFU, Lactobacillus johnsonii 0,1 x 10 ⁹ CFU, Lactobacillus plantarum 0,1 x 10 ⁹ CFU, Lactobacillus reuteri 0,1 x 10 ⁹ CFU, Lactobacillus salivarius 0,1 x 10 ⁹ CFU, Bifidobacterium breve 0,1 x 10 ⁹ CFU, Bifidobacterium animalis 0,1 x 10 ⁹ CFU, Bifidobacterium lactis 0,1 x 10 ⁹ CFU, Bifidobacterium longum 0,1 x 10 ⁹ CFU, Bifidobacterium bifidum 0,1 x 10 ⁹ CFU. Tổng: 10 ⁹ CFU Phụ liệu: Chất độn: dầu ngô, chất nhũ hóa: mono và diglyceride của các axit béo.	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe Tenbimus	Uống	Dung dịch uống	Hộp 1 chai/10ml	2783/2021/ĐKSP	GLOBAL PHARMA CM sp z.o.o	Balan	Chai	700
10	TPCN10	1 liều = 5 giọt Vitamin D3 (Cholecalciferol): 400IU Vitamin K2 (MK-7): 12.5mcg Lactobacillus reuteri: 100 Millions CFU Chai 20ml	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe Rosnature Plus D3K2 Reuteri	Uống	Dung dịch uống	Hộp 1 chai/ Chai 20ml	7442/2024/ĐKSP	ERBEX srl	Ý	Chai	500
11	TPCN11	Mỗi 5ml chứa: Alpha Amylase: 100mg Papain: 50mg	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe Neopeptine F liquid	Uống	Dung dịch	Hộp 1 chai 60ml	10269/2019/ ĐKSP	Raptakos, Brett & Co., Ltd.	Ấn Độ	Chai	6.000
12	TPCN12	Mỗi 1ml chứa: Alpha Amylase: 20mg Papain: 10mg Dầu thì là: 2mg Dầu hồi: 2mg Dầu Caraway: 2mg	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe Neopeptine F Drops	Uống	Dung dịch	Hộp 1 chai 15ml	1021/2019/ ĐKSP	Raptakos, Brett & Co., Ltd.	Ấn Độ	Chai	4.000
13	TPCN13	Vitamin K2: 30 mcg Vitamin D3: 400 IU	DINO ITAKIDS D3 K2 PLUS	Uống	Dạng lỏng	10ml/Lọ/Hộp	6969/2022/ĐKSP	Gricar Chemical S.r.l	Italia	Hộp	1.200
14	TPCN14	Bacillus subtilis: 2x10 ⁹ CFU Bacillus clausii: 1x10 ⁹ CFU Bacillus coagulans: 1x10 ⁵ CFU Kẽm Gluconate : 10mcg	PROBACILL KID	Uống	Hỗn dịch	Hộp 4 vi x 5 ống 5ml	3854/2023/ĐKSP	Công ty TNHH Dược Phẩm Fusi	Việt Nam	Ống	20.000

15	TPCN15	Trong 1ml (20 giọt) chứa: Sắt Pyrophosphate (tương đương sắt 7mg): 77mg Vitamin C (Ascorbic Acid): 17,5mg Folic Acid (Pteroylmonoglutamic acid): 140mg Vitamin B12 (Cyanocobalamin): 0,84mg	MINORON ITAKIDS	Uống	Dạng lỏng	Hộp 1 lọ 30ml	5823/2024/ĐKSP	Nutracore S.r.l	Italia	Lọ	1.200
16	TPCN16	Trong 1 giọt (tương đương 0.05ml) có chứa: Lactobacills reuteri SGL01: 0.25x10 ⁹ CFU Lactobacillus rhamnosus SGL06 : 0.25x10 ⁹ CFU	TROVIA BIO	Uống	Hỗn dịch	Hộp 1 lọ 10ml	6650/2024/ĐKST	Alsa Lab S.r.l Societa' Benefit	Italia	Lọ	500
17	TPCN17	Thành phần cho 5ml: - Acid béo Omega 3 toàn phần: 582,0mg + EPA (Eicosapentaenoic acid): 184,0mg + DHA (Docosahexaenoic acid): 271,0mg - Vitamin E 1,5mg - Vitamin A 125,0mcg - Vitamin D3 5,0mcg	BIOMEGA-3 FOR KIDS	Uống	Siro	Hộp 1 chai 150ml	6094/2024/ĐKSP	ALGEA PHARMA BOTANIK SAN.VE TIC.LTD	Thổ Nhĩ Kỳ	Hộp	300
18	TPCN18	- Thành phần dinh dưỡng trong 200ml: Năng lượng: 100 kcal Protein (Chất đạm): 0 g Lipid (Chất béo): 0 g Carbohydrate: 25 g - Thể tích: 200ml	Thực phẩm dinh dưỡng y học Leisure Preop	Uống	Thực phẩm dạng lỏng	Hộp/200ml	03/2023/ĐKSP	Công Ty TNHH Khoa Học Dinh Dưỡng Orgalife	Việt Nam	Hộp	1.000
19	TPCN19	Thành phần dinh dưỡng trong 200 ml: Năng lượng 200 kcal Protein (Chất đạm): 7.5g Lipid (Chất béo): 8.9g Carbohydrate 22.5g MCTs: 2.7g Omega 3: 500mg Omega 6: 1.2g Omega 9: 2.9g DHA + EPA: 50mg - Thể tích: 200ml	O'ricmeal Peptide	Uống	Thực phẩm dạng lỏng	Hộp/200ml	68/OGL/2023	Công Ty TNHH Khoa Học Dinh Dưỡng Orgalife	Việt Nam	Hộp	1.000
20	TPCN20	Trong mỗi gói 2g có chứa: Lipase 6,65 mg (2.000 FIP), Amylase 10,75 mg (1.075 DU), Glucoamylase 6,9 mg (7 AGU), Protease 3.0 3,75 mg (7.5 SAPU), Protease 4.5 1,95 mg (1.560 HUT). Phụ liệu: fructose, glucose syrup, chất độn (maltodextrin), vị chuối (hương tự nhiên), chất chống đông vón (silicon dioxide), chất tạo ngọt (sucralose).	ENZYMAX KIDS	Uống	Bột	Hộp/30 gói	2557/2022/ ĐKSP	INDUSEN, S.A., Carretera Madrid Irún km.	Tây Ban Nha	Gói	40.000

21	TPCN21	Trong 10ml có chứa : Lysine HCL: 1041,7mg DHA: 3,75mg Taurin: 16,67mg Vitamin B1: 1,83mg Vitamin B2: 1,83mg Vitamin B6: 1,83mg Canxi Lactat: 375 mg Phụ liệu	Lykid Extra ống 10ml	Uống	Siro	Ống 10 ml (20 ống/hộp)	1285/2018/ĐKSP	Công ty Cổ Phần Dược phẩm MediBest	Việt Nam	Ống	3.000
22	TPCN22	Trong gói 3g có chứa: Hỗn hợp 5 Lợi khuẩn (Penta-cap-powder V1): 50mg (Lactobacillus acidophilus 2,5x10 ⁸ CFU Lactobacillus delbrueckii 2,5x10 ⁸ CFU Lactobacillus paracasei 2,5x10 ⁸ CFU Bifidobacterium lactis 2,5x10 ⁸ CFU Streptococcus thermophilus 2,5x10 ⁸ CFU) Pepsine: 150IU Vitamin B1: 0,5mg Vitamin B6: 0,5mg Vitamin B2: 0,1mg Vitamin B12: 0,6mcg Phụ liệu.	PROBIO5	Uống	Bột	30 gói x3g/hộp (1T= 30 hộp)	116/2023/ĐKSP	Công ty Cổ Phần Dược phẩm MediBest	Việt Nam	Hộp	2.000
23	TPCN23	Trong 10ml có chứa: Vitamin K2-MK7: 47000 µg Vitamin D3: 17000 IU Phụ liệu	VIRTAL D3 K2	Uống	Siro	Lọ 10ml. Hộp 1 lọ	5808/2022/ĐKSP	Công ty Cổ Phần Dược phẩm MediBest	Việt Nam	Hộp	50
24	TPCN24	- Lợi khuẩn (3 x 10 ⁹ CFU): (Bifidobacterium breve M-16V® - 20 mg (1 x 10 ⁹ CFU); Lactobacillus rhamnosus GG – 17,2 mg (1 x 10 ⁹ CFU); Lactobacillus rhamnosus HN001 – 4,4 mg (1 x 10 ⁹ CFU). - Fructooligosaccharides (FOS): 500 mg - Vitamin D3 (Cholecalciferol): 2,5µg (100IU)	Optibac Babies Children	Uống	Dạng bột	Hộp 30 gói	7762/2024/ĐKSP	Farmaceutici Procemsa SPA	Italy	Hộp	700
Tổng cộng II : 24 mặt hàng tương ứng 24 lô phần											

III. DANH MỤC SỮA DINH DƯỠNG

STT	Mã tham chiếu	Tính năng kỹ thuật	Tên thương mại	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Số công bố	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	SDD01	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml pha chuẩn: - Năng lượng (Energy): 64 Kcal/100ml - Chất đạm (Protein): 1.4g/100ml - 2,19g/100 Kcal - Chất béo (Fat): 3.5g/100ml - 5,47g/100 Kcal - Chất bột đường (Carbohydrate): 6.9g/100ml - 10,78g/100 Kcal - Oligosaccharides mixture (scGOS, lcFOS): 0.8g/100ml - Bifidobacterium breve M-16V: 7.50×10^8 cfu/100ml - Tỷ lệ chất xơ GOS/FOS= 9/1 và B. breve M-16V(Synbiotic) - Tỷ lệ đạm whey/casein: 60% whey protein và 40% casein - Thành phần khác: . Omega 9 (Oleic Acid): 982 mg/100ml . Omega 6 (Linoleic Acid): 460 mg/100ml . ARA (Arachidonic Acid): 17.8 mg/100ml . Omega 3 (DHA): 14.0 mg/100ml	Aptamil Profutura Cesarbiotik (Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ ≤12 tháng tuổi)	Uống	Bột	Hộp thiếc 380g 12lon/ thùng	56/2024/ĐKSP	Danone Nutricia NZLTD	Newzealand	Lon	150
2	SDD02	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml pha chuẩn: - Năng lượng (Energy): 64 Kcal/100ml - Chất đạm (Protein): 1.4g/100ml - 2,19g/100 Kcal - Chất béo (Fat): 3.5g/100ml - 5,47g/100 Kcal - Chất bột đường (Carbohydrate): 6.9g/100ml - 10,78g/100 Kcal - Oligosaccharides mixture (scGOS, lcFOS): 0.8g/100ml - Bifidobacterium breve M-16V: 7.50×10^8 cfu/100ml - Tỷ lệ chất xơ GOS/FOS= 9/1 và B. breve M-16V(Synbiotic) - Tỷ lệ đạm whey/casein: 60% whey protein và 40% casein - Vitamin và khoáng chất: bổ sung theo quy định tại TT 20/2012/TT BYT ngày 15/11/2012 - Không chứa đường sucrose - Thành phần khác: . Omega 9 (Oleic Acid): 982 mg/100ml . Omega 6 (Linoleic Acid): 460 mg/100ml . ARA (Arachidonic Acid): 17.8 mg/100ml . Omega 3 (DHA): 14.0 mg/100ml	Aptamil Profutura Cesarbiotik 2 Follow On Formula 800g (12-24M)	Uống	Bột	Hộp 800g 06 lon/ thùng	58/2024/ĐKSP	Danone Nutricia NZLTD	Newzealand	Lon	150

3	SDD03	* Tiêu chuẩn kĩ thuật trong 200ml sản phẩm pha chuẩn: - Năng lượng: 60 - 70 kcal/100ml - Chất đạm (Protein) : 2.0 – 3.0g - Chất béo tổng hợp (Lipid): 3.9-5.8g - FOS : 0.2 – 0.3g - Sữa Non Colostrum : 300mg/100g bột - Đường Carbohydrat : 9.3 – 13.9g - Nhóm Enzym tiêu hóa và các Vitamin khoáng chất thiết yếu giúp trẻ sơ sinh tăng cường sức đề kháng, hỗ trợ tiêu hóa - Sản phẩm được bổ sung DHA, ALA, Canxi giúp phát triển não bộ, thị giác và hệ thống xương răng để phát triển toàn diện.	Moonley Colostrum BabyCare cho trẻ từ 0-12 tháng tuổi (Số 1)	Uống	Bột	Hộp thiếc 400g Thùng 24 hộp	748/2019/ YTCHN-ĐKSP	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SACOFOOD	VIỆT NAM	Hộp thiếc	150
4	SDD04	* Tiêu chuẩn kĩ thuật trong 200ml sản phẩm chuẩn: - Năng lượng: ≥ 70 kcal/100ml - Chất đạm (Protein) : 4.41 – 6.61g - Chất béo tổng hợp (Lipid): 5.78 – 8.66g - FOS : 0.46 – 0.68g - MCT : 0.76 – 1.14g - Sữa Non Colostrum : 100.00mg/100g bột - Cung cấp sữa non Colostrum ,cung cấp thành phần kháng thể tự nhiên như IgG, IgA, IgF... kết hợp Vitamin A,C selen, kèm tiêu diệt các vi khuẩn, vi rút gây bệnh, tăng cường hệ miễn dịch - Chứa Choline, Taurine thành phần cấu tạo tế bào thần kinh và thị giác - Chứa DHA, Omega 3, ALA, Vitamin A hỗ trợ não bộ , tăng cường trí nhớ.	Moonley Colostrum BabyCare cho trẻ từ 12 - 36 tháng tuổi Số(2)	Uống	Bột	Hộp thiếc 400g Thùng 24 hộp	747/2019/ YTCHN - ĐKSP	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SACOFOOD	VIỆT NAM	Hộp thiếc	430
5	SDD05	* Tiêu chuẩn kĩ thuật trong 200ml sản phẩm pha chuẩn: - Năng lượng: ≥70 kcal/100ml - Chất đạm (Protein) : 4.26 – 6.38g - Chất béo tổng hợp (Lipid): 5.78 – 8.66g - FOS : 0.61 – 0.91g - MCT : 0.61 – 0.91g - Sữa Non Colostrum : 100.00mg/100g bột - Hỗ trợ tiêu hóa, giúp trẻ ăn ngon miệng, giàu Lysine, kẽm, Vitamin B - Chứa HMO là các Oligosaccharides có chứa lõi Lactose giúp hỗ trợ sức khỏe đường ruột, tăng cường sức đề kháng cho trẻ, ngoài ra còn giúp giảm đáng kể tỉ lệ nhiễm trùng đường tiêu hóa và hô hấp ở trẻ - Là sản phẩm giàu năng lượng, bổ sung Canxi, Vitamin D cùng với MK7 là một trong những thành phần chủ chốt của bộ ba cao lớn, kết hợp với Magie và Phospho giúp trẻ phát triển chiều cao tối ưu và hệ thống xương vững chắc.	Moonley Colostrum BabyCare cho trẻ từ 24 tháng tuổi trở lên (Số 3)	Uống	Bột	Hộp thiếc 400g Thùng 24 hộp	5663/2019/ ĐKSP	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU SACOFOOD	VIỆT NAM	Hộp thiếc	1.300

6	SDD06	Bột sữa non ColosIge 24h (33%), Chất xơ hòa tan (FOS), Canxi sữa, Béo thực vật, Lactobacillus rhamnosus Ga, Hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm. (Nguyên liệu sữa non Nhập Khẩu từ Mỹ)	TPBS ColosIgG 24h 45g	Uống	Bột	Lon 45g Thùng 22 hộp	06/VITADAIRY/2021	Công ty CP Sữa VitaDairy VN	Việt Nam	Hộp	4.000
7	SDD07	Tiêu chí kỹ thuật cơ bản tính trên 100g + Năng lượng: 498 kcal + Chất béo: 26g + Đạm: 12.1g + Carbohydrate: 53.9g + Whey Protein: 7.2g + Có vitamin, khoáng chất và nguyên tố vi lượng. + Sữa non: 350mg + MCT: 1000mg + FOS/Inulin: 3000mg + GOS: 340mg + HMO: 12.7mg +MK-7: 15 mcg + Có whey thủy phân	SPDD công thức Calokid Gold 0+ 400g (Sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ 0-12tháng)	Uống	Bột	Lon 400g Thùng 24 lon	45/2021/ĐKSP	Công ty CP Sữa VitaDairy VN	Việt Nam	Lon	24
8	SDD08	Tiêu chí kỹ thuật cơ bản tính trên 100g + Năng lượng: 470.5 kcal + Chất béo: 21.3 g + Đạm: 14.6g + Carbohydrate: 57.1g + Có vitamin, khoáng chất và nguyên tố vi lượng. + MCT: 1000mg + FOS/Inulin: 2500mg + HMO: 12.6mg +MK-7: 15 mcg + Có whey thủy phân	TP dùng cho chế độ ăn đặc biệt Calokid Gold 400g (Sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ trên 12 tháng)	Uống	Bột	Lon 400g Thùng 24 lon	92/2019/ĐKSP	Công ty CP Sữa VitaDairy VN	Việt Nam	Lon	48
9	SDD09	Tiêu chí kỹ thuật cơ bản tính trên 100g -Protein: 12g -Chất béo: 23.7g -Carbohydrate: 56.3g -Sữa non: 7000mg -IgG: 1000mg -Choline: 44.6mg -Taurine: 44.8mg -Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin): 3g -Có vitamin và khoáng chất -Axit Pantothenic: 4000µg -Axit Folic: 64.3µg	SPDD công thức ColosBaby Gold 0+ 400g (Mới) (Sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ 0-12tháng)	Uống	Bột	Lon 400g Thùng 24 lon	24/2024/ĐKSP	Công ty CP Sữa VitaDairy VN	Việt Nam	Lon	10

10	SDD10	Tính trên 100ml pha chuẩn: - Năng lượng: 65 kcal - Chất đạm: 1,32 g - Chất béo: 3,52 g - Bột đường: 7 g - Acid linoleic (Omega 6): 0,56 g - Acid linolenic (Omega 3): 0,06 g - Acid Arachidonic (AA): 14 mg - Acid Docosahexaenoic (DHA): 6,8 mg - Gangliosides: 2,2mg - Phức hợp Oligosaccharid (5HMOs): 0,04 g	Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ 0 - 12 tháng tuổi Similac 0+	Uống	Dạng bột	Hộp 380g, Thùng 24 hộp	04/2024/ĐKSP	Abbott	Ireland	Hộp thiếc	1.200
11	SDD11	Tính trên 100ml pha chuẩn: - Năng lượng: 74 Kcal - Chất đạm: 1,93g - Chất béo: 4,09g - Chất bột đường: 7,66g - Chất xơ (2'-Fucosyllactose (2'-FL HMO)): 20mg - Chất béo chuỗi trung bình MCT (Medium Chain Triglyceride): 25% trên tổng lượng chất béo - Không chứa dầu cọ Thành phần: Dầu thực vật (dầu hướng dương, dầu đậu nành, dầu MCT, dầu dừa)	Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ sinh non, nhẹ cân 0-12 tháng tuổi Similac Neosure	Uống	Dạng bột	Hộp 370g, Thùng 24 hộp	14984/2021/ĐKSP	Abbott	Tây Ban Nha	Hộp thiếc	1.200
12	SDD12	Tính trên 100ml pha chuẩn: - Năng lượng: 65 kcal - Chất đạm: 1,32 g - Chất béo: 3,51 g - Bột đường: 7,2 g - Acid linoleic (Omega 6): 0,72 g - Acid linolenic (Omega 3): 0,07 mg - Acid Arachidonic (AA): 14 mg - Acid Docosahexaenoic (DHA): 7 mg - Phức hợp Oligosaccharid (5HMOs): 250 mg - Vitamin E tự nhiên: 2,8 IU Có khoáng chất, vitamin và Bifidobacterium lactis	Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ 0-12 tháng tuổi Similac Total Protection 0+	Uống	Dạng bột	Hộp 380g, Thùng 24 hộp	21/2023/ĐKSP	Abbott	Ireland	Hộp thiếc	1.200
13	SDD13	Tính trên 100ml pha chuẩn: - Năng lượng: 68 kcal - Chất đạm: 1,56 g - Chất béo: 3,66 g - Bột đường: 7,27 g - Acid linoleic (Omega 6): 0,57 g - Acid linolenic (Omega 3): 56 mg - Acid Arachidonic (AA): 14 mg - Acid Docosahexaenoic (DHA): 7 mg - Đạm whey thủy phân 1 phần: > 95% - Hàm lượng lactose: 2%	Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ 0-12 tháng tuổi Similac Total Comfort 0+	Uống	Dạng bột	Hộp 360g, Thùng 24 hộp	19/2023/ĐKSP	Abbott	Tây Ban Nha	Hộp thiếc	1.200

14	SDD14	Tính trên 100ml pha chuẩn: - Năng lượng: 100 kcal - Chất đạm: 2,99 g - Chất béo: 3,9 g - Chất bột đường: 13,1 g - Arginin: 222,22 mg - Vitamin K2 tự nhiên: 1,77 mcg	Thực phẩm dinh dưỡng y học cho trẻ 1-10 tuổi: Pediasure hương vani	Uống	Dạng bột	Hộp 380g, Thùng 24 hộp	12/2022/ĐKSP	Abbott	Singapore	Hộp thiếc	3.000
15	SDD15	Tính trên 100g bột: - Năng lượng: 474 Kcal - Chất đạm: 14,9g - Chất béo: 20 g - Chất bột đường: 57,84g - Thành phần: Tinh bột bắp thủy phân, chứa đạm đậu nành tinh chế	Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ 1-10 tuổi: Similac Isomil Plus	Uống	Dạng bột	Hộp 400g, Thùng 24 hộp	11202/2021/ĐKSP	Abbott	Hà Lan	Hộp thiếc	1.200
16	SDD16	Tính trên 100ml pha chuẩn: - Năng lượng: 68 Kcal - Chất đạm: 1,7 g - Chất béo: 3,7 g - Chất bột đường: 7 g - Acid Linoleic: 0,64 g - Acid alpha-Linolenic: 51 mg - DHA: 6,7 mg - AA: 13,4 mg - Thành phần: Tinh bột bắp thủy phân, chứa đạm đậu nành tinh chế	Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ 0 - 12 tháng tuổi: Similac Isomil	Uống	Dạng bột	Hộp 400g, Thùng 24 hộp	11203/2021/ĐKSP	Abbott	Hà Lan	Hộp thiếc	1.200
17	SDD17	Tính trên 100ml pha chuẩn: - Năng lượng: 73 kcal - Chất đạm: 2,35 g - Chất béo: 3,41 g - Acid linoleic (Omega 6): 0,61 g - Acid linolenic (Omega 3): 51 mg - Acid Arachidonic (AA): 6 mg - Acid Docosahexaenoic (DHA): 4 mg - Đạm whey thủy phân 1 phần: > 95% - Hàm lượng lactose: 2%	Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ 1-2 tuổi: Similac Total Comfort 1+	Uống	Dạng bột	Hộp 360g, Thùng 24 hộp	18/2023/ĐKSP	Abbott	Tây Ban Nha	Hộp thiếc	800
18	SDD18	* Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml sản phẩm pha chuẩn: - Năng lượng: 81,8 kcal - Hàm lượng Protein: 2,48 g - Hàm lượng chất béo tổng số: 3,04 g - Chất bột đường (carbohydrate): 11,12 g - Acid linolenic: 286 mg - IgG: 5,2 mg - Taurin: 3,3 mg * Có hệ chất xơ tốt cho tiêu hóa	Dr. Celine Pedia Gold 400g (Sản phẩm dinh dưỡng cho bé cho bé từ 1-10 tuổi)	Uống	Bột	400g/Lon 24 Lon/Thùng	02/HS/2022 58/TNHS-YT	CN Cty TNHH MTV HealthCare Science Việt Nam tại Cần Thơ - Nhà máy sản xuất	Việt Nam	Lon	1.665

19	SDD19	* Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml sản phẩm pha chuẩn: - Năng lượng: 64 kcal - Hàm lượng Protein: 1,26 g - Hàm lượng chất béo tổng số: 2,86 g - Chất bột đường (carbohydrate): 8,53g - Acid folic: 10 µg - Acid linolenic: 215 mg * Có hệ chất xơ tốt cho tiêu hóa và HMO	Dr.Celine Newborn IQ 400g (Sản phẩm dinh dưỡng cho bé cho bé từ 0-12 tháng tuổi)	Uống	Bột	400g/Lon 24 Lon/Thùng	02/HS/2022 04/2022/ĐKSP	CN Cty TNHH MTV HealthCare Science Việt Nam tại Cần Thơ - Nhà máy sản xuất	Việt Nam	Lon	60
20	SDD20	* Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml sản phẩm pha chuẩn: - Năng lượng: 68 kcal - Chất đạm (protid): 1,91 g - Chất béo tổng (lipid): 3,4 g - Acid linoleic: 0,61 g - Acid alpha-linoleic: 0,046 g - Đường (cacbohydrat) tổng: 7,5 g * 100% là Đạm casein thủy phân toàn phần. * Có LGG ((Lactobacillus rhamnosus) * Không chứa lactose, sucrose	SPDD CT với mục đích y tế đặc biệt Enfamil Nutramigen (Sản phẩm dinh dưỡng công thức với đạm casein thủy phân toàn phần có bổ sung LGG, không lactose dành cho cho trẻ từ 0-12 tháng tuổi bị dị ứng đạm sữa, dạng bột)	Uống	Dạng bột pha uống	Lon 400g	33/2024/ĐKSP	Mead Johnson B.V	Hà Lan	Lon	480
21	SDD21	* Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml sản phẩm pha chuẩn: - Năng lượng: 67 kcal - Chất đạm (protid): 1,61 g - Chất béo tổng (lipid): 3,6 g - Acid linoleic: 0,57 g - Acid alpha-linoleic: 0,042 g - Đường (cacbohydrat) tổng: 7 g * Có Đạm whey và casein thủy phân một phần. * Có MFGM	SPDD CT Enfamil A+ Neuropro Gentle Care Infant Formula dành cho trẻ từ 0-12 tháng tuổi	Uống	Dạng bột pha uống	Lon 350g	3900/2020/ĐKSP	Mead Johnson Nutrition	Thái Lan	Lon	240
22	SDD22	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml sản phẩm pha chuẩn: - Năng lượng: 67 kcal - Chất đạm (protid): 1,39 g - Chất béo tổng (lipid): 3,6 g - Acid linoleic: 0,52 g - Acid alpha-linoleic: 0,041 g - Đường (cacbohydrat) tổng: 7,4 g * Có hệ chất xơ tốt cho tiêu hóa (GOS, PDX) và HMO * Có chứa MFGM, phospholipid và spingomyelin.	SPDD CT Enfamil A+ Neuropro 1 với 2'FL HMO (cho trẻ ≤ 06 tháng tuổi)	Uống	Dạng bột pha uống	Lon 400g	07/2023/ĐKSP	Mead Johnson Nutrition	Thái Lan	Lon	480

23	SDD23	* Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml sản phẩm pha chuẩn: - Năng lượng: 67 kcal - Chất đạm (protid): 1,44 g - Chất béo tổng (lipid): 3,7 g - Acid linoleic: 0,55 g - Acid alpha-linoleic: 0,045 g - Đường (cacbohydrat) tổng: 7 g * Đạm sữa phân lập * DHA $\geq$ 11,4 mg * Lactose = 0	SPDD CT với mục đích y tế đặc biệt Enfamil A+ Lactofree (Sữa công thức dạng bột, không chứa đường lactose, DHA cao dành cho trẻ 0-12 tháng tuổi)	Uống	Dạng bột pha uống	Lon 380g	169/2024/ĐKSP	Mead Johnson Nutrition	Thái Lan	Lon	120
24	SDD24	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100 ml đã pha Năng lượng: 67 kcal - Chất đạm (Optipro Protein): 1,27 g - Đạm Whey thủy phân một phần :100% tổng lượng đạm - Chất béo (Lipid): 3,49 g - Carbohydrate : 7,63 g - Lactose: 7,63 g - 5HMO: - 2'FL HMO: 105 mg - LNT HMO: 35 mg - DFL HMO: 14,4 mg - 3'SL HMO: 5,6 mg - 6'SL HMO: 16,4 mg - Bifidus BL: $1,3 \times 10^7$ cfu - Có chứa đầy đủ các vitamin và khoáng chất cần thiết theo chuẩn - Acid béo Omega-3: 42 mg - Acid béo Omega-6 : 0,5 g + DHA: 7,47 mg + ARA: 7,47 mg - Vitamin D3: tối thiểu 34,1 IU - TCCS 110:2022/NVL	SPDD CT Nestlé NAN Supreme Pro 1 (0-12 tháng)	Uống	Sữa bột	Hộp 400g, thùng 12 hộp	QĐ số 01/2021/ĐKSP	Nestlé Deutschland AG, Fussener Strasse 1, 87640 Biessenhofen, Đức	Đức	Hộp	96

25	SDD25	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100 ml đã pha Sản phẩm dinh dưỡng công thức dạng bột, có bổ sung đạm whey thủy phân một phần, có bổ sung chất xơ FOS, hàm lượng Magie cao và Oligosaccharide có hàm lượng cao nhất trong sữa mẹ - Năng lượng: 66,7 KCal - Chất đạm: 2,27 g - Chất béo: 3,51 g - Carbohydrate: 7,64 g - FOS : 0,3 g - 2'FL HMO: 25 mg - L.reuteri: $1,3 \times 10^7$ CFU - Có chứa đầy đủ các vitamin và khoáng chất cần thiết theo chuẩn - Acid Linoleic: 491,4 mg - Acid Alpha- Linoleic: 41,8 mg - Vitamin D3: 33,46 IU - Mg: 8,23 mg + DHA 7,18 mg + ARA: 7,18 mg	SPDD CT Nestlé NAN ExpertPro TOTAL COMFORT (dành cho trẻ từ 0-12 tháng)	Uống	Sữa bột	Hộp 380g, thùng 12 hộp	QĐ số 06/2023/ĐKSP	Nestlé Deutschland AG, Fussener Strasse 1, 87640 Biessenhofen, Đức	Đức	Hộp	10
26	SDD26	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100 ml đã pha Năng lượng: 67 Kcal - Chất đạm (Optipro Protein): 1,24 - Đạm Whey: 70% tổng lượng đạm - Chất béo (Lipid): 4,62 - Carbohydrate : 7,54 g - 5HMO: - 2'FL HMO: 0.104 g - LNT HMO: 0.034 g - DFL HMO: 0.014 g - 3'SL HMO: 0.005 g - 6'SL HMO: 0.016 g - Bifidus BL: 1×10^8 Cfu - Có chứa đầy đủ các vitamin và khoáng chất cần thiết theo chuẩn - Acid béo Omega-3: 47,76 mg - Vitamin D3: 33,5 IU - TCCS 110:2022/NVL	SPDD Công Thức Nestlé NAN OPTIPRO Plus 1 (cho trẻ từ 0-6 tháng)	Uống	Sữa bột	Hộp 400g, thùng 12 hộp	QĐ số 26/2022/ĐKSP	Nhà máy Konolfingen, Nestlé-Strasse 1, 3510 Konolfingen, Thụy Sĩ.	Thụy Sĩ.	Hộp	10

04

27	SDD27	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100 ml đã pha Năng lượng: 67 KCal - Chất đạm (Optipro Protein): 1,4 g - Chất béo (Lipid): 3,38 g - Carbohydrate: 7,72 - Có chứa đầy đủ các vitamin và khoáng chất cần thiết theo chuẩn - Acid béo Omega-3: 0.04g - L.reuteri: $1,3 \cdot 10^7$ Cfu - Nucleotide: 1,98 mg - Kẽm: 0,41 mg - Vitamin D3: 33 IU - TCCS 68:2021/NVL	SPDDCT Nestlé NAN EXPERTPRO LACTOSE FREE (dành cho trẻ từ 0-3 tuổi)	Uống	Sữa bột	Hộp 380g, thùng 12 hộp	QĐ số 08/2021/ĐKSP	Nestlé Nederland BV Laan 110, 8071 JC Nunspeet, Hà Lan	Hà Lan	Hộp	168
28	SDD28	Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100 ml đã pha Năng lượng: 80,8 Kcal - Chất đạm (Optipro Protein): 2.7g - Đạm Whey/Casein: 70% tổng lượng đạm - Chất béo (Lipid): 4g - Carbohydrate: 8,46 g - MCT: 13% tổng lượng chất béo - Có chứa đầy đủ các vitamin và khoáng chất cần thiết theo chuẩn - Vitamin D3: 142,4 IU - Sắt: 1,8 mg - ARA: 16,8 mg - DHA: 16 mg	SPDDCT Nestlé PreNAN (dành cho trẻ sinh non nhẹ cân)	Uống	Sữa bột	Hộp 380g, thùng 12 hộp	QĐ số 05/2020/ĐKSP	Nestlé Nederland BV Laan 110, 8071 JC Nunspeet, Hà Lan	Hà Lan	Hộp	48
29	SDD29	Thành phần bao gồm: - Năng lượng: 60 - 70 Kcal/100ml pha chuẩn - Chất đạm: 1,8 - 3,3g/100kcal - Chất béo: 4,4 - 6 g/100kcal - Chất bột đường: 9 - 14 g/100kcal Thành phần khác: - Lactoferrin: ≥ 80mg - Acid Linoleic: $\geq 3,5$g - Acid α-Linolenic: $\geq 0,35$g - DHA: ≥ 100mg - ARA: ≥ 100mg - Có tiền lợi khuẩn Bifidus (Lactulose và Raffinose) - Có 5 loại Nucleotides: ≥ 20mg.	Sản phẩm dinh dưỡng công thức Morinaga Hagukumi 320g, 0-6 tháng	Uống	Dạng bột mịn	Hộp thiếc 320g	182/2019/ĐKSP	Morinaga Milk Industry Co., Ltd. Yamato-Plant	Nhật Bản	Hộp	60

30	SDD30	Thành phần bao gồm: - Năng lượng $\geq 60\text{-}85$ kcal/100ml pha chuẩn. - Protein: $3\text{-}5,5$ g/100kcal - Chất béo: $3\text{-}6$ g/100kcal - Carbohydrate: $9\text{-}14$ g/100kcal Thành phần khác: - Lactoferrin: $\geq 45\text{mg}$ - Acid Linoleic: $\geq 2,5\text{g}$ - Acid α-Linolenic: $\geq 0,2\text{g}$ - DHA: $\geq 70\text{mg}$ - ARA: $\geq 20\text{mg}$ - Có tiền lợi khuẩn Bifidus (Lactulose và Raffinose) - 5 loại Nucleotides: $\geq 20\text{mg}$	Sản phẩm dinh dưỡng công thức Morinaga Chilmil 320g , 6-36 tháng tuổi	Uống	Dạng bột mịn	Hộp thiếc 320g	183/2019/ĐKSP	Morinaga Milk Industry Co., Ltd. Yamato-Plant	Nhật Bản	Hộp	60
31	SDD31	Sữa bột béo, maltodextrine, đường sucrose, đậm sữa cô đặc, Prebiotic/Chất xơ (Inulin/FOS), Chất béo (OPO, Acid Linoleic (Omega 6), Acid α Linolenic (Omega 3)), khoáng chất (tribasic calcium phosphate. Clorid, Phot pho. magie oxit, kali glycerophosphat, kem sulfat, sắt (III) pyrophosphate, kali citrat, natri selenit, mangan sulfat, đồng sulfat, kali iodid, kali clorid, Selen, iốt), Sữa non/Colostrum, Lysine, Choline, Beta glucan, L-carnitine, Docosahexaenoic acid (DHA), hỗn hợp vitamin (Retinyl acetate (Vitamin A), Cholecalciferol (Vitamin D3), Dl-aphatocopheryl acetate (Vitamin E), acid L-ascorbic (Vitamin C), thiamin hydrochloride (Vitamin B1), riboflavin (Vitamin B2), acid nicotinic (Vitamin B3), D- pantothenic acid (Vitamin B5), pyridoxin hydrochloride (Vitamin B6), Biotin, axit folic, cyanocobalamin (Vitamin B12), phylloquinone (Vitamin K1)), Inositol, Taurine, 2'FL HMO và Hương liệu tổng hợp dùng được trong thực phẩm (Hương vanilla). Thành phần có chứa sữa.	OPOMILAC 0+ (0 -12 tháng tuổi)	Uống	Dạng bột mịn	Lon 800 gram	320/2023/ĐKSP	CÔNG TY CỔ PHẦN ATOKO PHARMAR	Việt Nam	gam	100

my

32	SDD32	Sữa bột béo, maltodextrine, đường sucrose, đậm sữa cô đặc, Prebiotic/Chất xơ (Inulin/FOS), Chất béo (OPO, Acid Linoleic (Omega 6), Acid a Linolenic (Omega 3)), khoáng chất (tribasic calcium phosphate, Photpho, Clorid, magie oxit, kali glycerophosphat, kẽm sulfat, sắt (III) pyrophosphate, kali citrat, natri selenit, mangan sulfat, đồng sulfat, kali iodid, kali clorid, I ốt, Selen), Sữa non/Colostrum, Lysine, Beta glucan, L-carnitine, Docosahexaenoic acid (DHA), Choline, hỗn hợp vitamin (Retinylacetate (Vitamin A), Cholecalciferol (Vitamin D), DL-alpha tocopheryl acetate (Vitamin E), acid L-ascorbic (Vitamin C), thiamin hydrochloride (Vitamin B1), riboflavin (Vitamin B2), acid nicotinic (Vitamin B3), D-pantothenic acid (Vitamin B5), pyridoxin hydrochloride (Vitamin B6), Biotin, axit folic, cyanocobalamin (Vitamin B12), phyloquinone (Vitamin K1)), Taurine, 2'FL HMO và Hương liệu tổng hợp dùng được trong thực phẩm (Hương vanilla). Thành phần có chứa sữa.	OPOMILAC 1+ (12 - 36 tháng tuổi)	Uống	Dạng bột mịn	Lon 800 gram	319/2023/ĐKSP	CÔNG TY CỔ PHẦN ATOKO PHARMAR	Việt Nam	gam	100
33	SDD33	Sữa bột béo, sữa bột gầy, maltodextrin, đường sucrose, đậm sữa tinh chế, Chất xơ (Inulin, Fos), OPO (2.400mg/100g), Medium Chain Triglycerides (MCT), Omega 6, Lysine, Sữa non/Colostrum, Omega 3, Betaglucan, Choline, Docosahexaenoic acid (DHA), Taurine, 2'-Fucosyllactose (2'-FL) HMO, hỗn hợp vitamin (Retinyl acetat (Vitamin A), Cholecalciferol (Vitamin D3), DL-anpha-Tocopherol (Vitamin E), acid L- ascorbic (Vitamin C), thiamin hydrochloride (Vitamin B1), Riboflavin (Vitamin B2), Nicotinamide (Vitamin B3), D-pantothenic acid (Vitamin B5), pyridoxin hydrochloride (Vitamin B6), Acid folic (Vitamin B9), Cyanocobalamin (Vitamin B12), D-Biotin (Vitamin H), phyloquinon (Vitamin K1), menaquinon (Vitamin K2/MK7)) và khoáng chất (Tribasic calcium phosphate, magnesi oxyd, kali glycerophosphat, natri citrat, kẽm sulfat, sắt (III) pyrophosphate, mangan sulfat, đồng sulfat, natri selenit, kali iodid, kali clorid), hương liệu tổng hợp (hương vani). Thành phần có chứa sữa	OPOMILAC GAIN (dành cho trẻ từ 2 - 15 tháng tuổi)	Uống	Dạng bột mịn	Lon 800 gram	02-11/NANOGROUP/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN ATOKO PHARMAR	Việt Nam	gam	100

CẤN

Handwritten signature

34	SDD34	Tính trên 100g bột: - Năng lượng: 468 kcal - Chất đạm: 13,9 g - Chất béo: 18,3g - Chất tinh bột đường: 60,7g - Chất xơ: 2,5g - Có khoáng chất và vitamin - Chất béo MUFA (acid béo không bão hòa 1 nối đôi): 9,5 g - Chất béo PUFA (acid béo không bão hòa nhiều nối đôi): 2,7g - Chất béo chuỗi trung bình MCT (Medium Chain Triglyceride): 3,42 g - Lactobacillus Paracasei: 100 triệu cfu - Bifidobacterium Longum: 100 triệu cfu - Đạt tiêu chuẩn FSSC 22000 - Dinh dưỡng y học - Áp suất thẩm thấu: 330 mOsm/ lit	Thực phẩm dinh dưỡng y học Nutren Junior 400g (trẻ từ 1 tuổi trở lên)	Uống	Bột	Hộp 400g	12/2019/ĐKSP	Nestlé Suisse S.A	Thụy Sĩ	Hộp	24
35	SDD35	Tính trên 100g bột: - Năng lượng: 465kcal - Chất đạm: 13,7g - Đạm whey thủy phân thành peptide: 100% trên tổng lượng chất đạm - Chất béo: 17,5g - Chất tinh bột đường: 62,8g - Có khoáng chất và vitamin - Chất béo chuỗi trung bình MCT (Medium Chain Triglyceride): 8,9g (51% trên tổng lượng chất béo) - Chất béo PUFA (acid béo không bão hòa nhiều nối đôi): 2,4g - Chất béo MUFA (acid béo không bão hòa 1 nối đôi): 2,5g. - Áp suất thẩm thấu: 322 mOsm/L - Tiêu chí chất lượng: FSSC 22000	Thực phẩm dinh dưỡng y học Peptamen Junior 400g (trẻ từ 1 tuổi trở lên)	Uống	Bột	Hộp 400g	34/2022/ĐKSP	Nestlé Suisse S.A	Thụy Sĩ	Hộp	24

Tổng cộng III: 35 mặt hàng tương ứng 35 lô phần

IV. DANH MỤC NƯỚC SUỐI

STT	Mã tham chiếu	thành phần- tính năng kỹ thuật	Tên thương mại	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	SDK hoặc GPKD	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
1	NU01	Hydrocarbonat (HCO_3^-): 280-330 mg/l, Natri (Na^+): 95-130 mg/l, Calci (Ca^{2+}): 11-17 mg/l, Magnesi (Mg^{2+}): 3-6 mg/l, Kali (K^+): 2-3 mg/l, Fluorid (F^-): <0,5 mg/l, Iod (I^-): <0,01 mg/l.	Nước khoáng La Vie 500ml nguyên bản	Uống	Chai lỏng	Chai 500ml	1100101187	La Vie	Việt Nam	Chai	36.000
2	NU02	Hydrocarbonat (HCO_3^-): 40-94 mg/l, Natri (Na^+): 15-36 mg/l, Calci (Ca^{2+}): 1-4 mg/l, Magnesi (Mg^{2+}): 0,5-1,5 mg/l	Nước khoáng La Vie 500ml dịu nhẹ	Uống	Chai lỏng	Chai 500ml	1100101187	La Vie	Việt Nam	Chai	36.000

Tổng cộng IV: 02 mặt hàng tương ứng 02 lô phần

Tổng cộng (I)+(II)+(III)+(IV): 74 mặt hàng tương ứng 74 lô phần



Công ty/nhà cung ứng:

Địa chỉ:

Số ĐT:

Phụ lục 2
MẪU BÁO GIÁ

(Đính kèm Thư mời báo giá số: 707 /TM.BVND-NT ngày 07 tháng 5 năm 2025)

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Nhà thuốc Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ, chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá như sau:

1. Báo giá:

STT	Mã tham chiếu	Thành phần-Tính năng kỹ thuật	Tên thương mại	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ quan công bố sản phẩm	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (+VAT)	Giá công bố	Ghi chú

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày] , kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về báo giá của mình.

.....,ngày.....tháng.....năm.....
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(ký tên, đóng dấu)